



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
ĐỀ ÁN “NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ
QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG,
ĐẾN NĂM 2030”

HÀ NỘI, 2023



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
ĐỀ ÁN "NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ
QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG,
ĐẾN NĂM 2030"

Hà Nội, 2023

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	2
PHẦN 1. TỔNG QUAN TÀI LIỆU	3
1. Cơ sở pháp lý xây dựng tài liệu.....	3
2. Mục đích của tài liệu	3
3. Đối tượng sử dụng	3
4. Các khái niệm cơ bản	4
PHẦN 2. QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG	6
1. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.....	6
2. Quy trình và các bước quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	7
3. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp	8
4. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.....	9
5. Lồng ghép giới và hòa nhập đối tượng dễ bị tổn thương trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.....	12
PHẦN 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BƯỚC QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG	14
Bước 1: Củng cố kiện toàn tổ chức và chuẩn bị kế hoạch thực hiện	14
Bước 2: Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	16
Bước 3: Lập Kế hoạch thực hiện Đề án	22
Bước 4: Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án.....	24
Bước 5: Giám sát và đánh giá kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng	24
PHẦN 4. PHỤ LỤC	25
PHỤ LỤC 1. CÁC KHÁI NIỆM VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG	26
PHỤ LỤC 2. CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RRTT DVCĐ HỖ TRỢ ĐẠT ĐƯỢC TIÊU CHÍ PCTT TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI.....	35
PHỤ LỤC 3. MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG	39

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH) ngày nay, thiên tai đang dần trở lên bất thường, cực đoan hơn cả về tần suất và mức độ, ảnh hưởng lớn tới tính mạng, thiệt hại về nhà cửa, phương tiện sản xuất và nhiều yếu tố khác trong cuộc sống của người dân. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và đã được cụ thể trong Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020, công tác quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (RRTT DVCD) được xác định là một trong những giải pháp quan trọng trong phòng chống thiên tai (PCTT).

Ngày 06/4/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” tại quyết định số 553/QĐ-TTg (*gọi tắt là Đề án 553*) trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm và bài học của Đề án 1002 với tầm nhìn đến năm 2030. Mục tiêu chung là nâng cao nhận thức về thiên tai, năng lực ứng phó thiên tai, hình thành văn hóa phòng ngừa, chủ động và tích cực tham gia vào công tác phòng chống thiên tai của đại đa số người dân nhằm góp phần thực hiện tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Nhằm chuẩn hóa bộ tài liệu về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCD, phục vụ triển khai các hoạt động của Đề án 553, *Tài liệu hướng dẫn quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng* được rà soát và xây dựng trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm thực tiễn của các cơ quan phòng chống thiên tai các cấp, các tổ chức, các nhà quản lý, các chuyên gia trong nước và quốc tế. Việc rà soát và hiệu chỉnh cuốn tài liệu này nhằm hoàn thiện hướng dẫn quy trình thực hiện quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, công cụ đánh giá rủi ro thiên tai phù hợp với thực tiễn và yêu cầu mới được quy định trong Đề án 553.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BĐKH	Biến đổi khí hậu
Cấp tỉnh	Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cấp huyện	Huyện, quận, thị xã
Cấp xã/phường	Xã, phường, thị trấn
Cấp thôn	Thôn, bản, ấp, buôn, sóc, khóm, tổ dân phố, cụm dân cư, khu phố
DBTT	Đễ bị tổn thương
Đề án 1002	Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” theo Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ
Đề án 553	Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030” theo Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 6/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ
GNRRTT	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
HTKT	Hỗ trợ kỹ thuật
KTXH	Kinh tế xã hội
MTQG	Mục tiêu quốc gia
NKT	Người khuyết tật
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NTM	Nông thôn mới
PCTT	Phòng chống thiên tai
PCTT&TKCN	Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn
RRTT DVCE	Rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
Thông tư 02	Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNN hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương
UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN 1

TỔNG QUAN TÀI LIỆU

1. Cơ sở pháp lý xây dựng tài liệu

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

- Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

- Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/06/2010;

- Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí Thư về về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai;

- Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 6/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030”;

- Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNN hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương;

- Quyết định số 333/QĐ-BNN-PCTT ngày 20/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” giai đoạn 2021-2025.

2. Mục đích của tài liệu

Hướng dẫn chính quyền cấp xã/phường, người dân và các bên có liên quan thực hiện tốt các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

3. Đối tượng sử dụng

Tài liệu được biên soạn cho các đối tượng:

- Chính quyền các cấp đặc biệt là cấp xã, phường;

- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cấp xã, phường;
- Các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn xã, phường;
- Người dân;
- Các cá nhân và tổ chức liên quan khác.

4. Các khái niệm cơ bản

4.1. Các khái niệm trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Cộng đồng: (sử dụng trong tài liệu này) bao gồm những nhóm người dân sinh sống trong cùng một xã/phường.

Thiên tai¹: là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

Rủi ro thiên tai²: là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế xã hội.

Phòng, chống thiên tai³: là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Năng lực phòng chống thiên tai (điểm mạnh): là tổng hợp tất cả các nguồn lực sẵn có trong cộng đồng (con người, cơ sở vật chất, tài chính) có thể được sử dụng để giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Tình trạng dễ bị tổn thương (điểm yếu): là những đặc điểm và hoàn cảnh của một cộng đồng, môi trường hoặc tài sản dễ bị ảnh hưởng của các tác động bất lợi từ thiên tai.

Đối tượng dễ bị tổn thương⁴: là nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng phải chịu nhiều tác động bất lợi hơn từ thiên tai so với những nhóm người khác trong cộng đồng.

Đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo.

4.2. Các khái niệm về Giới và hòa nhập đối tượng dễ bị tổn thương

¹ Khoản 1 Điều 1 Luật Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020

² Khoản 2 Điều 3 Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013

³ Khoản 3 Điều 3 Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013

⁴ Khoản 4 Điều 3 Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013

Giới tính⁵: chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ

Giới⁶: chỉ những đặc điểm, vị trí, vai trò của nam, nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội

Bình đẳng giới⁷: là việc nam giới, phụ nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội bình đẳng để phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

Hoà nhập: là một quá trình được hỗ trợ *giúp tăng tính tự tin và năng lực để tham gia hiệu quả* vào quá trình ra quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống.

Người cao tuổi: Người cao tuổi được quy định trong Luật Người cao tuổi năm 2009 này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên.

Người khuyết tật:

Theo Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/06/2010, khái niệm người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn⁸.

Theo Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền của người khuyết tật khái niệm người khuyết tật bao gồm những người có khiếm khuyết lâu dài về thể chất, tâm thần, trí tuệ hoặc giác quan mà khi tương tác với những rào cản khác nhau có thể phương hại đến sự tham gia hữu hiệu và trọn vẹn của họ vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

+ Khiếm khuyết là những vấn đề liên quan đến chức năng cơ thể hoặc thay đổi về cấu tạo cơ thể. Khiếm khuyết gây ra những rào cản về hành vi ứng xử, làm ảnh hưởng đến việc tham gia của họ vào các hoạt động của xã hội.

+ Rào cản: là những yếu tố (từ phía bản thân người NKT hoặc gia đình NKT và xã hội) làm cho NKT không thể tham gia hiệu quả và bình đẳng vào các hoạt động xã hội. Rào cản: Môi trường, vật chất; Thông tin, giao tiếp; Suy nghĩ, thái độ; Chính sách.

Khuyết tật là sự tương tác giữa 2 yếu tố: (1) là khiếm khuyết của một người và (2) là rào cản từ phía bản thân người đó hoặc gia đình và xã hội. Xóa bỏ rào cản sẽ giúp một người có khiếm khuyết có thể tham gia hiệu quả vào các hoạt động quản lý RRTT DVCD.

(Tham khảo chi tiết Khái niệm cơ bản về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại

Phụ lục 1)

⁵ Khoản 2 Điều 5 Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006

⁶ Điều 5 Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006

⁷ Khoản 3 Điều 5 Luật bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006

⁸ Khoản 1 Điều 2 Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/06/2010

PHẦN 2

QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

1. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

1.1. Khái niệm

Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là quá trình mà cộng đồng trong đó có nhóm dễ bị tổn thương chủ động tham gia vào việc xác định vấn đề, phân tích các nguyên nhân, lập kế hoạch, thực hiện và theo dõi đánh giá việc thực hiện kế hoạch nhằm giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và tăng khả năng ứng phó, thích nghi của cộng đồng với thiên tai

1.2. Mục đích

Mục đích của quản lý RRTT DVCD là tạo ra sự chuyển biến tích cực từ một “cộng đồng dễ bị tổn thương” sang một “cộng đồng có năng lực, cùng nhau phòng ngừa, ứng phó và phục hồi” bằng cách phát huy tối đa các nguồn lực sẵn có trong cộng đồng và các nguồn lực khác.

1.3. Đặc điểm chính của quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

- Cộng đồng đóng vai trò trung tâm và chủ động trong quá trình quản lý RRTT DVCD.

- Khuyến khích và huy động sự tham gia tích cực, chủ động của các thành phần cộng đồng vào công tác quản lý rủi ro thiên tai, tạo cơ hội bình đẳng cho nam giới, phụ nữ, đối tượng DBTT tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động quản lý RRTT DVCD.

- Nâng cao năng lực của cộng đồng và giải quyết một số nguyên nhân chính của tình trạng DBTT;

- Là một quá trình liên tục phát triển, được cập nhật, điều chỉnh và xây dựng trên những bài học kinh nghiệm thực tế của cộng đồng. Đồng thời kết hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình; bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với BĐKH;

- Sự chỉ đạo của chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp xã, phường đóng vai trò quan trọng trong quản lý RRTT DVCD cùng với sự hỗ trợ của cơ quan cấp trên và các tổ chức xã hội;

- Vận dụng phương châm bốn tại chỗ vào quá trình quản lý RRTT DVCD;

- Lồng ghép nội dung PCTT trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) của địa phương.

2. Quy trình và các bước quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Các bước Quản lý RRTT DVCĐ theo Đề án 553	Các hoạt động
Bước 1: Củng cố, kiện toàn tổ chức và chuẩn bị kế hoạch thực hiện Đề án	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập nhóm HTKT cấp xã/phường. - UBND xã, phường tổ chức cuộc họp với nội dung: Giới thiệu thông tin Đề án 553 và các kết quả cần đạt được tại địa phương
Bước 2: Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị đánh giá: Tập huấn cho Nhóm HTKT cấp xã, phường thực hiện đánh giá RRTT DVCĐ và chuẩn bị nội dung, kế hoạch, dụng cụ, phương tiện hậu cần để đánh giá - Thực hiện đánh giá RRTT DVCĐ - Kiểm chứng thông tin đánh giá RRTT DVCĐ - Xây dựng báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
Bước 3: Lập Kế hoạch thực hiện Đề án	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án 553 - Đưa nội dung, hoạt động trong Kế hoạch thực hiện Đề án 553 vào trong Kế hoạch PCTT cấp xã, phường
Bước 4: Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức họp thông báo cho người dân về kế hoạch đã phê duyệt (giải thích các đề nghị chưa được phê duyệt) - Huy động người dân tham gia thực hiện kế hoạch
Bước 5: Giám sát và đánh giá kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch giám sát & đánh giá - Thông báo kế hoạch giám sát, đánh giá đã duyệt cho cộng đồng để phối hợp thực hiện - Tổ chức giám sát, đánh giá, viết báo cáo kết quả giám sát, đánh giá - Tổ chức cuộc họp báo cáo kết quả giám sát, đánh giá cho UBND xã theo định kỳ; thông báo kết quả cuộc họp ở cấp xã và thôn

3. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp

Tại Chương V, Mục 10 Đề án 553 quy định nhiệm vụ của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định rõ nội dung: *Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; thực hiện lồng ghép PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.*

Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 hướng dẫn xây dựng Kế hoạch PCTT các cấp ở địa phương của Bộ Nông nghiệp và PTNT xác định rõ nội dung:

a) Trình tự xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai

- Rà soát, thu thập tài liệu; điều tra, khảo sát số liệu cơ bản.
- Xác định, đánh giá rủi ro và đề xuất giải pháp.
- Xây dựng dự thảo kế hoạch phòng, chống thiên tai; lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan; tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo.
- Ban hành kế hoạch phòng, chống thiên tai: Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt, ban hành kế hoạch phòng, chống thiên tai của cấp mình.

b) Nội dung kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã:

- Các căn cứ pháp lý để lập kế hoạch.
- Mục đích, yêu cầu.
- Đặc điểm về tự nhiên, dân sinh, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng.
- Đánh giá hiện trạng công tác phòng, chống thiên tai cấp xã.
- Nội dung và các biện pháp phòng, chống thiên tai
- Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cần thiết cho hoạt động phòng, chống thiên tai.
- Đề xuất nhu cầu về nguồn lực và xác định tiến độ hằng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai tại địa phương.
- Xác định trách nhiệm tổ chức thực hiện.

b) Nội dung đánh giá hiện trạng công tác phòng, chống thiên tai⁹.

- Hệ thống chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Bao gồm thành lập, kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã; thành lập, kiện toàn lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

⁹ Điều 19 Thông tư 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 6 năm 2021 về hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương.

- Lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cần thiết phục vụ phòng, chống thiên tai: Thống kê số lượng; cơ quan, đơn vị huy động, dự trữ; địa điểm dự trữ.

- Thông tin, truyền thông về phòng, chống thiên tai: Đánh giá hiện trạng hệ thống thông tin, truyền thông, cảnh báo thiên tai chung và riêng biệt tại địa phương; các phương thức thông tin, tuyên truyền về công tác phòng, chống thiên tai.

- Năng lực, nhận thức của cộng đồng trong phòng, chống thiên tai: Đánh giá chung về nhận thức, kỹ năng của người dân, cộng đồng và công tác tập huấn phòng, chống thiên tai tại địa phương.

4. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới

a. Tiêu chí phòng chống thiên tai trong xây dựng nông thôn mới

Trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tiêu chí phòng chống thiên tai là Tiêu chí 3.2: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

Theo Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tiêu chí bao gồm:

TT	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá
I	Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực	
1	Tổ chức bộ máy	<p>a) Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn được thành lập (Quyết định)</p> <p>b) Được kiện toàn thường xuyên, liên tục theo quy định (Quyết định).</p> <p>c) Có công chức cấp xã được phân công theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã (Quyết định)</p> <p>d) Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương (Quyết định phân công)</p>
2	Nguồn nhân lực	a) Có 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực, trình độ

		(Văn bản triệu tập, cử cán bộ tham gia).
		b) Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của các đội xung kích phòng, chống thiên tai theo quy định (Quyết định, kế hoạch hoạt động)
		c) Đội xung kích được tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ hàng năm (Văn bản triệu tập, cử cán bộ tham gia).
		d) Có từ 70% trở lên người dân thuộc vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.
II	Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh	
1	Kế hoạch phòng, chống thiên tai	a) Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt
		b) Được rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định.
		c) Có xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai
2	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương
3	Thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt	a) Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.
		b) Có 100% số tổ chức trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.
		c) Có 70% trở lên số hộ gia đình, cá nhân trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt
III	Về cơ sở hạ tầng thiết yếu	
1	Quy hoạch, xây	a) Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào

	dựng cơ sở hạ tầng	các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch về đê điều (nếu có).
		b) 100% cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.
2	Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai	a) Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ. b) 100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.
3	Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai	Tất cả các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai được kiểm tra, phát hiện và xử lý; không để phát sinh những vụ vi phạm mới hoặc phải kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời.

b. Các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng hỗ trợ đạt được tiêu chí PCTT trong xây dựng nông thôn mới

Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030” được ban hành tại Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ xác định rõ, nội dung xây dựng nông thôn mới là một nội dung trong mục tiêu chung của Đề án 553:

“Nâng cao nhận thức về thiên tai, năng lực ứng phó thiên tai cho đội ngũ làm công tác phòng, chống thiên tai, cán bộ chính quyền cơ sở và người dân vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, góp phần xây dựng cộng đồng cấp xã, huyện an toàn trước thiên tai, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; hình thành văn hóa phòng ngừa, chủ động và tích cực tham gia vào công tác phòng chống thiên tai của đại đa số người dân nhằm ***góp phần thực hiện tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới***, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, môi trường do thiên tai”.

Để triển khai Đề án 553, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 333/QĐ-BNN-PCTT ngày 20/1/2022, trong đó hoạt động “Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực cho cộng đồng về giảm nhẹ rủi ro thiên tai” bao gồm nội dung “*Nghiên cứu mô hình xã, thôn điển hình về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng gắn với nông thôn mới, phát triển sinh kế*”.

Những nội dung, hoạt động của Đề án 553 hỗ trợ thực hiện tiêu chí 3.2 về PCTT trong Chương trình MTQG về xây dựng NTM tham khảo tại **Phụ lục 2**

5. Lòng ghép giới và hòa nhập đối tượng dễ bị tổn thương trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

5.1. Lòng ghép giới trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

a. Khái niệm

Lòng ghép giới trong quản lý RRTT DVCĐ là đưa các mối quan tâm và sử dụng hợp lý kinh nghiệm của mỗi giới vào quá trình xây dựng, thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá các chính sách, chương trình để phụ nữ và nam giới đều có quyền, trách nhiệm và được hưởng lợi như nhau từ các chính sách và chương trình này.

b. Mục đích

Lòng ghép giới trong quản lý RRTT DVCĐ nhằm đảm bảo sự tham gia bình đẳng và hiệu quả của phụ nữ cũng như nam giới vào quá trình lãnh đạo và ra quyết định trong các hoạt động quản lý RRTT DVCĐ, để các giải pháp PCTT đáp ứng các nhu cầu và mối quan tâm khác nhau của nam giới, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương, nhằm giảm thiệt hại và tăng khả năng chống chịu cho cả cộng đồng.

c. Nguyên tắc

- Phụ nữ cũng như nam giới đều tích cực tham gia vào quá trình lãnh đạo và ra quyết định, có đóng góp bình đẳng đến các định hướng và kết quả của các giải pháp.

- Cân đối tỷ lệ phụ nữ và nam giới trong tổng số thành viên tham gia Nhóm HTKT cấp xã, phường và các hoạt động quản lý RRTT DVCĐ, đảm bảo sự tham gia của mỗi giới ít nhất từ 30% trở lên.

- Đảm bảo sự tham gia bình đẳng và hiệu quả của nam giới, phụ nữ có các ngành nghề, tôn giáo, trình độ văn hóa và độ tuổi khác nhau; đặc biệt là phụ nữ trong nhóm DBTT, phụ nữ đơn thân, phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số trong tất cả các hoạt động quản lý RRTT DVCĐ;

- Thông tin của phụ nữ cần được cung cấp từ chính phụ nữ và tương tự như vậy đối với nam giới;

- Tìm hiểu cụ thể các khó khăn, nhu cầu và ưu tiên khác biệt giữa nam giới và phụ nữ; đặc biệt với các đối tượng là người khuyết tật, người cao tuổi, người bị bệnh hiểm nghèo, người nghèo, người nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, người đang mang thai, người sống đơn thân và đồng bào dân tộc thiểu số;

- Các giải pháp phòng chống thiên tai cần đáp ứng các nhu cầu và mối quan tâm hợp lý khác nhau của nam giới và phụ nữ (cả nhu cầu thực tế và nhu cầu chiến lược).

- Vấn đề về giới cần được xem xét và lồng ghép trong suốt quá trình thực hiện quản lý RRTT DVCĐ

5.2. Hòa nhập đối tượng dễ bị tổn thương trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

a. Khái niệm

Hòa nhập đối tượng dễ bị tổn thương trong quản lý RRTT DVCĐ là các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương được nâng cao năng lực, hỗ trợ những yêu cầu cần thiết để tham gia hiệu quả vào các hoạt động quản lý RRTT DVCĐ tại cộng đồng

b. Mục đích

Hòa nhập đối tượng dễ bị tổn thương trong quản lý RRTT DVCĐ nhằm đảm bảo sự tham gia hiệu quả của đối tượng DBTT trong các hoạt động quản lý RRTT DVCĐ, để các giải pháp PCTT đáp ứng các nhu cầu và mối quan tâm khác nhau của các nhóm dễ bị tổn thương, nhằm giảm thiệt hại và tăng khả năng chống chịu cho cả cộng đồng.

c. Nguyên tắc hòa nhập đối tượng dễ bị tổn thương trong quản lý RRTT DVCĐ

- Đại diện đối tượng DBTT là thành viên Nhóm HTKT cấp xã, phường, được huy động tham gia tổ chức thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCĐ theo kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Thành viên tham gia phải đảm bảo sức khỏe, thời gian, năng lực để tham gia, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao.

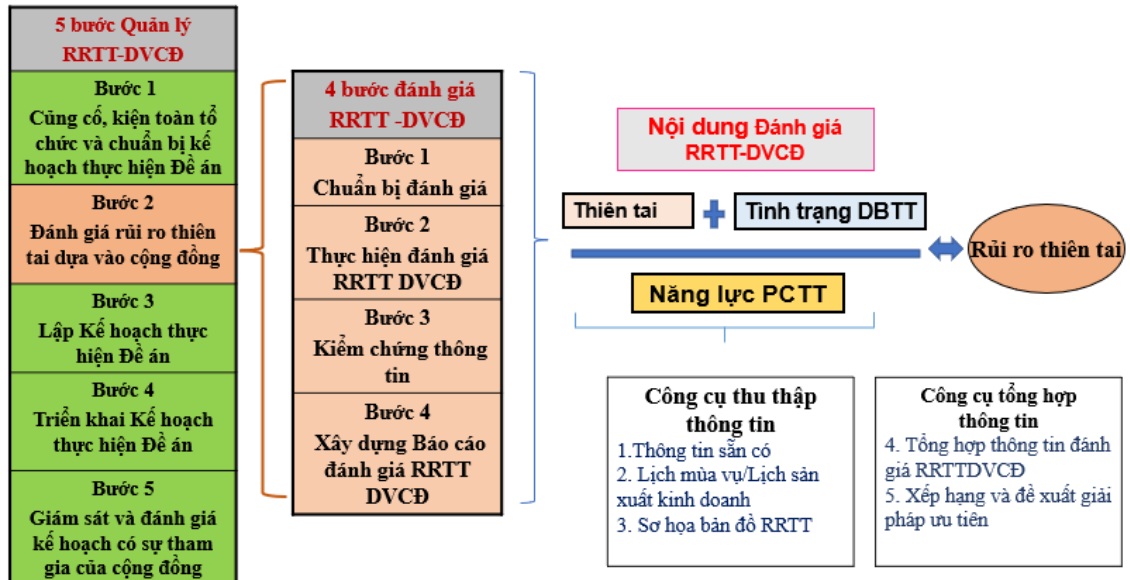
- Thông tin của đối tượng DBTT cần được cung cấp từ chính đối tượng DBTT và cần được cung cấp thông tin, xây dựng năng lực trước khi tham gia các hoạt động quản lý RRTT DVCĐ.

- Đảm bảo sự tham gia hiệu quả của đối tượng DBTT trong các hoạt động quản lý RRTT DVCĐ.

- Các giải pháp PCTT cần đáp ứng các nhu cầu hợp lý của mỗi đối tượng DBTT và khác nhau của nam giới và phụ nữ

PHẦN 3

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BƯỚC QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG



Hình 1. Sơ đồ tổng quan các bước quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Bước 1: Củng cố, kiện toàn tổ chức và chuẩn bị kế hoạch thực hiện

1. Mục đích:

- Thành lập Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã, phường và thống nhất cách thức, cơ chế hoạt động của nhóm.

- Giới thiệu Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” và nội dung thực hiện quản lý RRTT-DVCD cho các tổ chức xã hội¹⁰, tổ chức kinh tế và người dân nhằm phối hợp tốt Luật Phòng, chống thiên tai.

2. Nội dung thực hiện:

a. Thành lập Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã, phường

- Nhóm HTKT cấp xã/phường được UBND cấp xã/phường xem xét, huy động và phân giao nhiệm vụ kiêm nhiệm hỗ trợ xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện Đề án 553 hoặc các chương trình, dự án về quản lý RRTT DVCD có liên quan tại địa phương. Nhóm HTKT có thể được điều chỉnh, bổ sung thành viên, nhiệm vụ tùy thuộc vào yêu cầu nội dung hoạt động quản lý RRTT DVCD

¹⁰ Tổ chức xã hội trong tài liệu này gồm: tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

- Thành viên nhóm HTKT do UBND cấp xã/phường phê duyệt danh sách và giao nhiệm vụ. Căn cứ vào điều kiện của địa phương, nhiệm vụ của các cơ quan, thế mạnh của các tổ chức và nội dung kế hoạch thực hiện Đề án 553 của địa phương, UBND xã/phường xem xét thành viên Nhóm HTKT bao gồm: Cán bộ cấp xã/phường; Đại diện Đội xung kích PCTT; Đại diện các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, trường học; Lãnh đạo thôn/ấp/tổ dân phố; Đại diện người dân,... với các tiêu chí:

- + Cán bộ tham gia phải có kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn và nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc. Đảm bảo có sự tham gia của nam giới, phụ nữ, độ tuổi (cân đối sự tham gia của cán bộ lâu năm, có kinh nghiệm, uy tín và cán bộ trẻ có năng lực).

- + Đại diện là người dân tham gia sẽ do người dân trong thôn/bản/ấp/tổ dân phố bầu ra, chú ý cân đối tỷ lệ thành viên là nam giới, phụ nữ và có sự tham gia của đối tượng DBTT trên cơ sở kiến thức, kinh nghiệm, điều kiện (sức khỏe, thời gian,..).

b. UBND cấp xã, phường tổ chức cuộc họp định hướng

UBND cấp xã, phường tổ chức cuộc họp định hướng, nội dung bao gồm:

- Giới thiệu Đề án 553 (phạm vi chương trình, mục tiêu và nội dung) và tóm tắt nội dung các văn bản như Luật Phòng, chống thiên tai; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, Chiến lược Quốc gia về Phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các văn bản liên quan khác;

- Xác định mục tiêu và kết quả cần đạt được;

- Xác định cơ hội hợp tác và phối hợp giữa các bên có liên quan;

- Xác định tầm quan trọng của Đề án 553 để phối hợp thực hiện tốt các hoạt động quản lý RRTT-DVCD tại xã, thôn.

- Xác định vai trò, nhiệm vụ của các tổ chức đại diện cho nhóm đối tượng DBTT, trường học, doanh nghiệp tại địa phương tham gia và chủ động tổ chức đánh giá rủi ro thiên tai trong phạm vi đơn vị mình và phối hợp với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã, phường đưa vào báo cáo chung về đánh giá RRTT-DVCD toàn xã, phường.

3. Kết quả cần đạt được

- Quyết định của UBND xã, phường thành lập Nhóm HTKT cấp xã, phường, đảm bảo:

- + Có ít nhất 30% phụ nữ tham gia, trong đó có đại diện Hội Liên hiệp phụ nữ xã, phường và chi hội phụ nữ thôn;

- + Có đại diện các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương;

- + Xem xét, cân đối Trưởng, Phó trưởng nhóm có cả nam giới và phụ nữ.

- Nhóm HTKT cấp xã, phường hiểu được quy định, nhiệm vụ, cơ chế điều phối và phối hợp.

Bước 2: Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin có sự tham gia của người dân, bao gồm nhóm đối tượng dễ bị tổn thương về: Các loại hình thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống thiên tai tại địa phương nhằm xác định mức độ rủi ro của cộng đồng.

Đánh giá rủi ro thiên tai do Nhóm HTKT cấp xã, phường và người dân cùng thực hiện.

1. Mục đích

- Xác định những thiên tai đã và có nguy cơ xảy ra tại các khu vực trên địa bàn;
- Xác định được các yếu tố dễ bị tổn thương của cộng đồng trước thiên tai;
- Xác định năng lực phòng chống thiên tai của cộng đồng;
- Xác định các rủi ro thiên tai và thứ tự ưu tiên để tìm ra các giải pháp phù hợp trong đó có nhóm đối tượng DBTT;
- Cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch PCTT tại địa phương cũng như sử dụng trong lập kế hoạch phát triển KT-XH, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác tại địa phương;
- Nâng cao nhận thức và năng lực cho người dân và cán bộ địa phương về phòng, chống thiên tai.

2. Nội dung thực hiện

a. Đánh giá các loại hình thiên tai

Đánh giá thiên tai là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về các loại thiên tai thường xảy ra tại địa phương trong những năm gần đây (5-10 năm) và thiên tai lịch sử. Nội dung đánh giá bao gồm:

- Xác định loại hình thiên tai và tác động của nó đã xảy ra ở địa phương;
- Phân tích đặc điểm của từng loại thiên tai theo một số tiêu chí: Thời gian xảy ra, dấu hiệu báo trước, số lần xuất hiện, mức độ tác động, nguyên nhân gây ra thiên tai và xu hướng tăng/giảm của các loại thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu;
- Nhận định tình hình thiên tai trong thời gian tới

b. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

- Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương (*hay được gọi là điểm yếu*) là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về các nhóm dân cư, cơ sở hạ tầng, hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội nào đang ở trong điều kiện không an toàn, dễ bị thiệt hại do từng loại thiên tai gây ra.
- Đánh giá hạn chế về nhận thức của người dân: Việc tham gia các hoạt động phòng chống thiên tai (v/d: không chịu sơ tán khi có lệnh, không tham gia và hỗ trợ các hoạt động phòng chống thiên tai khi có yêu cầu,...); Hiểu biết, tâm lý, kỹ năng ứng phó khi thiên tai xảy ra (v/d: thiếu kiến thức về chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây, neo đậu tàu thuyền, kê cao tài sản khi có lũ, vệ sinh môi trường sau thiên tai, trẻ em không biết bơi và không biết cách phòng tránh đuối nước,...)
- Các thông tin thu thập cần tách biệt số liệu nam, nữ và các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

c. Đánh giá năng lực phòng chống thiên tai

- Đánh giá năng lực (*hay được gọi là điểm mạnh*) là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích các thông tin về các nguồn lực (con người, cơ sở vật chất và tài chính), các kinh nghiệm, kỹ năng sẵn có của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng có thể thực hiện trước, trong và sau thiên tai nhằm giúp họ phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.
- Đánh giá điểm mạnh về nhận thức của người dân: Việc tham gia các hoạt động phòng chống thiên tai (v/d: *Sẵn sàng sơ tán khi có lệnh, tham gia và hỗ trợ các hoạt động phòng chống thiên tai khi có yêu cầu,...*); Hiểu biết, tâm lý, kỹ năng ứng phó khi thiên tai xảy ra (v/d: *biết cách chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây, neo đậu tàu thuyền, kê cao tài sản khi có lũ, vệ sinh môi trường sau thiên tai, trẻ em biết bơi và biết cách phòng tránh đuối nước,...*)
- Xác định các nguồn lực này ở đâu, do ai đang quản lý, cách sử dụng và tổ chức huy động như thế nào.

d. Đánh giá rủi ro thiên tai

Xác định rủi ro thiên tai do từng loại hình thiên tai điển hình gây ra đối với:

+ An toàn cộng đồng: Con người, nhà ở, cơ sở hạ tầng (giao thông, xây dựng, điện lực, viễn thông, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, y tế, giáo dục, văn hóa)

+ Sản xuất kinh doanh: Một số ngành kinh tế chính (nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp, thương mại, du lịch)

+ Sức khỏe, vệ sinh, môi trường: Bệnh thông thường khi thiên tai xảy ra, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường do rác thải, xác động vật chết, rò rỉ hóa chất....

e. Một số chú ý quan trọng trong đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

- Thông tin cần được thu thập theo 03 lĩnh vực: i) An toàn cộng đồng; ii) Sức khỏe, vệ sinh, môi trường; iii) Sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi lĩnh vực trên được đánh giá với 03 khía cạnh: i) Cơ sở vật chất, ii) Tổ chức/xã hội, iii) Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ.
- Các thông tin thu thập cần đảm bảo các nguyên tắc:
 - + Thông tin về tình trạng DBTT, năng lực PCTT và nhu cầu, giải pháp: đảm bảo tính hợp lý, logic và không mâu thuẫn

Ví dụ:

<i>Rủi ro thiên tai</i>	<i>Tình trạng dễ bị tổn thương</i>	<i>Năng lực phòng, chống thiên tai</i>	<i>Nhu cầu, giải pháp</i>
30% trâu bò có thể bị ốm hoặc chết rét tại thôn A	50% người dân thôn A <u>chưa có kiến thức, kinh nghiệm</u> làm chuồng trại chống rét cho trâu, bò.	Người dân trong thôn A đã <u>chủ động che chắn chuồng trại đúng kỹ thuật</u> chống rét cho trâu, bò	Cung cấp thêm trâu, bò cho các hộ gia đình trong thôn A
	<i>Thông tin mâu thuẫn</i>		<i>Giải pháp không hợp lý để giải quyết tình trạng DBTT</i>

+ Thông tin phải đảm bảo: Ai ? như thế nào ? ở đâu ? số lượng, khối lượng, bao nhiêu ?

Ví dụ:

- ✓ 50% (*Số lượng*) người dân (*Ai ?*) trong thôn A (*ở đâu ?*) chưa có kiến thức, kinh nghiệm (*như thế nào*) làm chuồng trại chống rét cho trâu, bò.
- ✓ Tổ chức 03 tập huấn (*Số lượng*) cho 50% người dân thôn A (*Ai và ở đâu*) biết cách làm chuồng trại chống rét cho trâu, bò nhằm giảm thiệt hại khi rét đậm, rét hại xảy ra (*như thế nào*).

+ Thông tin phải viết thành hàng ngang để đảm bảo đúng, đủ thông tin, tránh trường hợp thiếu giải pháp để giải quyết tình trạng DBTT; có giải pháp nhưng thiếu thông tin tình trạng DBTT,...

3. Các công cụ đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

3.1. Danh mục các công cụ đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

a. Công cụ thu thập thông tin

Công cụ 1: Thông tin sẵn có

Công cụ 2: Lịch sản xuất kinh doanh

Công cụ 3: Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai

b. Công cụ tổng hợp thông tin

Công cụ 4: Tổng hợp thông tin đánh giá RRTT DVCD

Công cụ 5: Xếp hạng và đề xuất giải pháp ưu tiên.

3.2. Nội dung các công cụ

Công cụ đánh giá RRTT DVCD (theo Đề án 553)	Mục đích	Các thông tin thu thập, tổng hợp
A. Công cụ thu thập thông tin		
1. Thông tin sẵn có	Công cụ nhằm thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin sẵn có tại địa phương từ các báo cáo, nghiên cứu, chính sách và các tài liệu khác về công tác PCTT tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <input checked="" type="checkbox"/> Dân sinh kinh tế; văn hoá cộng đồng, tinh thần người dân; vệ sinh, môi trường; cơ sở hạ tầng, công trình PCTT và các thông tin liên quan. <input checked="" type="checkbox"/> Thông tin về đặc điểm, xu thế các loại hình thiên tai đã xảy ra (05-10 năm gần đây), thiên tai lịch sử, thiên tai thường xuyên xảy ra tại địa phương; thiệt hại do thiên tai (Tính mạng con người, sản xuất kinh doanh, sức khỏe, vệ sinh, môi trường,..); kinh nghiệm PCTT. <input checked="" type="checkbox"/> Các thông tin về tình trạng DBTT, năng lực PCTT, RRTT theo ba lĩnh vực (An toàn cộng đồng, Sản xuất kinh doanh, Sức khỏe - vệ sinh - môi trường), và ba khía cạnh (Vật chất, tổ chức xã hội, Nhận thức – thái độ – động cơ). <input checked="" type="checkbox"/> Nhu cầu và các giải pháp hỗ trợ
2. Lịch sản xuất kinh doanh	Công cụ nhằm thu thập thông tin cụ thể về năng lực PCTT, tình trạng DBTT, RRTT với mỗi loại hình thiên tai đối với sản xuất kinh doanh và các nhu cầu hỗ trợ phù hợp với nam giới và phụ nữ tham gia sản xuất kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <input checked="" type="checkbox"/> Tình hình thiên tai ở thôn, xã: loại thiên tai; thời gian mỗi loại thiên tai hay xảy ra; đặc điểm, xu hướng của mỗi loại thiên tai. <input checked="" type="checkbox"/> Công việc SXKD của người dân (chú ý vấn đề giới và đối tượng DBTT): Loại công việc SXKD người dân hay làm; thời gian thực hiện mỗi công việc; những thay đổi và ảnh hưởng của sự thay đổi về công việc SXKD của người dân trong những năm gần đây. <input checked="" type="checkbox"/> Ảnh hưởng của thiên tai đến công việc SXKD của người dân: Các ảnh hưởng của thiên tai đến SXKD. <input checked="" type="checkbox"/> Kinh nghiệm PCTT để các công việc SXKD ít bị thiệt hại: Các công việc

Công cụ đánh giá RRTT DVCD (theo Đề án 553)	Mục đích	Các thông tin thu thập, tổng hợp
		người dân hay làm để giảm thiệt hại cho việc SXKD <input checked="" type="checkbox"/> Nhu cầu và các giải pháp hỗ trợ
3. Sơ họa bản đồ RRTT	Công cụ nhằm xác định các khu vực nguy hiểm, khu vực an toàn tại xã, phường đối với từng loại thiên tai một cách trực quan trên bản đồ. Từ đó nhận biết điểm mạnh, điểm yếu, nguồn lực của cộng đồng trong công tác PCTT và hỗ trợ việc hình thành các giải pháp PCTT hiệu quả để giảm thiểu rủi ro đó.	<input checked="" type="checkbox"/> Tình hình thiên tai: các khu vực bị ảnh hưởng bởi từng loại thiên tai <input checked="" type="checkbox"/> Tình trạng dễ bị tổn thương: các công trình cộng đồng, sản xuất kinh doanh có khả năng bị ảnh hưởng bởi thiên tai <input checked="" type="checkbox"/> Năng lực PCTT <input checked="" type="checkbox"/> Nhu cầu và các giải pháp hỗ trợ
B. Công cụ tổng hợp thông tin		
4. Tổng hợp thông tin đánh giá RRTT DVCD	Công cụ nhằm tổng hợp và phân tích các thông tin thu thập được để xác định thiên tai, xu hướng thiên tai, tình trạng DBTT, năng lực PCTT, RRTT và các nhu cầu, giải pháp PCTT	Các thông tin cần tổng hợp là những thông tin đã được thu thập từ các công cụ thu thập thông tin (Công cụ 1: Thông tin sẵn có, Công cụ 2: Lịch sản xuất kinh doanh và Công cụ 3: Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai) và kết quả của các cuộc phỏng vấn sâu khác
5. Xếp hạng và đề xuất giải pháp ưu tiên	Xếp hạng ưu tiên về rủi ro thiên tai và giải pháp PCTT của người dân, đặc biệt là các đối tượng DBTT nhằm đáp ứng đúng nhu cầu ưu tiên của người dân	Danh mục theo thứ tự ưu tiên về RRTT và các giải pháp PCTT đảm bảo đúng nhu cầu của người dân

Nội dung, biểu mẫu, các bước thực hiện các công cụ đánh giá RRTT DVCD tham khảo *Tài liệu hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*.

4. Công việc thực hiện

a. Chuẩn bị đánh giá

- Tập huấn cho Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã, phường thực hiện đánh giá RRTT DVCD

Trước khi tiến hành đánh giá, UBND cấp xã, phường tổ chức tập huấn cho Nhóm HTKT cấp xã, phường (với sự hỗ trợ của đội ngũ giảng viên, tập huấn viên cấp tỉnh hoặc giảng viên Trung ương theo yêu cầu), với một số nội dung tập huấn cơ bản:

+ Thuật ngữ và khái niệm cơ bản về quản lý RRTT DVCD; phòng chống thiên tai; giới và khuyết tật,..

+ Nội dung các văn bản pháp luật liên quan về PCTT: Luật Phòng, chống thiên tai, Chiến lược quốc gia về phòng chống thiên tai, Đề án 553,...

+ Mẫu báo cáo đánh giá RRTT DVCD cấp xã, Kế hoạch PCTT cấp xã, phương án ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp thôn, xã.

+ Cách thức đưa nội dung, hoạt động của kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCD vào trong kế hoạch PCTT

+ Nguyên tắc và phương pháp lồng ghép nội dung PCTT vào kế hoạch phát triển KT-XH cấp xã.

+ Mục đích, nội dung và kết quả cần đạt được thông qua mỗi công cụ đánh giá RRTT DVCD;

+ Kỹ năng thu thập thông tin từ người dân, đặc biệt đối tượng DBTT; biết cách thu thập và phân tích thông tin về giới từ mỗi công cụ đánh giá.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết đánh giá RRTT DVCD và tổ chức thực hiện

- Thông báo nội dung và kế hoạch đánh giá RRTT DVCD tới người dân.

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện hậu cần để đánh giá.

- Nhóm HTKT cấp xã/phường làm việc với các phòng/ban để thực hiện thu thập và phân tích sơ bộ thông tin có sẵn (Công cụ 1. Thông tin sẵn có)

b. Thực hiện đánh giá RRTT DVCD

- Nhóm HTKT cấp xã, phường sử dụng các công cụ để thu thập và tổng hợp thông tin đánh giá RRTT về: Tình hình thiên tai, tình trạng DBTT, năng lực PCTT, nhu cầu và giải pháp (có phân tách giới, thông tin của nhóm DBTT) và rủi ro thiên tai.

- Nhóm HTKT cấp xã, phường hoàn thiện thông tin, biểu mẫu để chuẩn bị kiểm chứng thông tin đánh giá RRTT tại cộng đồng, gồm:

- + Biểu mẫu thu thập thông tin của từng công cụ

- + Bảng tổng hợp thông tin đánh giá rủi ro thiên tai

- + Xếp hạng và đề xuất giải pháp ưu tiên.

c. Kiểm chứng thông tin đánh giá RRTT DVCD

- Tổ chức họp với người dân để kiểm chứng thông tin về: tình hình thiên tai, tình trạng DBTT, năng lực PCTT, nhu cầu và giải pháp (có phân tách giới, thông tin của nhóm DBTT) và rủi ro thiên tai.

- Các nội dung kiểm chứng đối với người dân:
 - + Biểu mẫu thu thập thông tin của từng công cụ
 - + Bảng tổng hợp thông tin đánh giá rủi ro thiên tai
 - + Xếp hạng và đề xuất giải pháp ưu tiên.

▪ Nhóm HTKT cấp xã, phường cùng người dân thảo luận và thống nhất các rủi ro thiên tai và giải pháp PCTT được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên đảm bảo có sự tham gia của người dân (cân đối yếu tố giới, độ tuổi), đặc biệt là các đối tượng DBTT.

e. Xây dựng báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

▪ Nhóm HTKT cấp xã, phường dự thảo báo cáo đánh giá RRTT DVCD cấp xã/phường (*Mẫu báo cáo đánh giá RRTT DVCD tại Phụ lục 3*);

▪ Tổ chức họp lấy ý kiến về nội dung báo cáo đánh giá RRTT DVCD xã/phường với đại diện các ban, ngành, đoàn thể, đại diện của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn

▪ Dựa trên ý kiến góp ý, nhóm HTKT chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo và trình cho UBND cấp xã/phường phê duyệt báo cáo

▪ UBND xã, phường sử dụng báo cáo này làm cơ sở xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai và lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, chương trình xây dựng nông thôn mới của xã.

5. Thời gian thực hiện đánh giá

▪ Đánh giá RRTT DVCD xem xét thực hiện theo chu kỳ xây dựng, điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Đề án, Kế hoạch PCTT và Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

▪ Việc đánh giá RRTT-DVCD hàng năm sẽ được thực hiện tùy thuộc vào nhu cầu, đặc điểm của mỗi địa phương, đồng thời với một số lý do sau:

- + Điều chỉnh để phù hợp với sự thay đổi định hướng trong PCTT, phát triển KTXH tại địa phương hoặc đảm bảo lồng ghép nội dung PCTT trong kế hoạch phát triển KT-XH, chương trình xây dựng nông thôn mới
- + Khi có thiên tai lớn xảy ra, gây nhiều thiệt hại về người, tài sản cần phải đánh giá để bổ sung thông tin, nhu cầu và điều chỉnh các giải pháp phù hợp

Bước 3: Lập Kế hoạch thực hiện Đề án

1. Mục đích

Trên cơ sở những kết quả đánh giá RRTT DVCD, lập kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCD (*sau đây gọi là Kế hoạch thực hiện*

Đề án), có lồng ghép với kế hoạch PCTT, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của địa phương đảm bảo có sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt đối tượng DBTT

2. Công việc thực hiện:

a. Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án

- Trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, Nhóm HTKT cấp xã, phường lập và báo cáo UBND xã, phường dự thảo kế hoạch thực hiện Đề án.

- Kế hoạch thực hiện Đề án được xây dựng với một số nội dung chính:

- + Mục tiêu (mục tiêu phải cụ thể, có tính khả thi, phù hợp và có giới hạn thời gian thực hiện).
- + Đánh giá chung về tình hình thiên tai, hiện trạng công tác PCTT tại địa phương: Loại hình thiên tai, rủi ro thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương, năng lực phòng chống thiên tai.

Nội dung đánh giá xem xét tập trung vào 03 nội dung của kế hoạch PCTT các cấp được quy định tại Thông tư 02 gồm: Tình hình thiên tai của địa phương; Đánh giá hiện trạng công tác phòng, chống thiên tai; Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai.

- + Kế hoạch thực hiện: Biện pháp phòng chống thiên tai bao gồm các biện pháp phi công trình, công trình, khung thời gian thực hiện, các nguồn lực trong và ngoài cộng đồng, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp,...

b. Đưa nội dung, hoạt động trong Kế hoạch thực hiện Đề án vào trong Kế hoạch PCTT cấp xã, phường

Cách thức chung để đưa nội dung, hoạt động trong Kế hoạch thực hiện Đề án 553 vào trong Kế hoạch PCTT các cấp bám sát các quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ NN&PTNN về hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương (*gọi tắt là Thông tư 02*). Trình tự 04 bước quy định tại Điều 3 Thông tư 02, gồm:

- Rà soát, thu thập tài liệu, điều tra, khảo sát số liệu cơ bản
- Xác định, đánh giá rủi ro và đề xuất giải pháp
- Xây dựng dự thảo kế hoạch PCTT; lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan; tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo.
- Ban hành kế hoạch phòng, chống thiên tai

Các bước đưa nội dung, hoạt động trong Kế hoạch thực hiện Đề án vào trong Kế hoạch PCTT cấp xã, phường tham khảo tài liệu *Hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề*

án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030"

Bước 4: Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án

UBND xã, phường tổ chức hội nghị triển khai và thông báo cho người dân về kế hoạch đã được phê duyệt, đồng thời giải trình các hạng mục mà người dân đề nghị nhưng chưa đưa vào kế hoạch;

Huy động người dân tham gia thực hiện các hoạt động theo kế hoạch.

Bước 5: Giám sát và đánh giá kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng

1. Mục đích

- Bảo đảm thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai có hiệu quả;
- Điều chỉnh kịp thời những phát sinh, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện;
- Rút ra các bài học kinh nghiệm để bổ sung cho xây dựng kế hoạch năm sau.

2. Công việc thực hiện

- Nhóm HTKT cấp xã, phường xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá và trình UBND xã, phường phê duyệt;
- UBND xã, phường thông báo rộng rãi kế hoạch giám sát, đánh giá cho cộng đồng biết để phối hợp thực hiện;
- Nhóm HTKT cấp xã, phường và người dân tổ chức giám sát, đánh giá dựa trên mục tiêu, nội dung hoạt động của bản kế hoạch đã được phê duyệt;
- Nhóm HTKT cấp xã, phường tổng hợp thông tin và viết báo cáo;
- UBND xã, phường tổ chức các cuộc họp định kỳ nghe báo cáo giám sát, đánh giá và thông báo kết quả các cuộc họp ở cấp xã và thôn.

3. Kết quả cần đạt được

- Kế hoạch giám sát, đánh giá được UBND xã, phường phê duyệt có đề cập đến các chỉ số về giới và phân tách giới (tách thông tin nam riêng, nữ riêng), hoà nhập đối tượng DBTT
- Báo cáo giám sát, đánh giá các hoạt động có đề cập đến nội dung lồng ghép giới, hoà nhập đối tượng DBTT (ví dụ: các hoạt động đáp ứng nhu cầu đặc biệt của phụ nữ và nam giới được thực hiện hay không)

PHẦN 4

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Các khái niệm về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Phụ lục 2: Các hoạt động quản lý RRTT DVCD hỗ trợ đạt được tiêu chí PCTT trong xây dựng nông thôn mới

Phụ lục 3: Mẫu báo cáo đánh giá RRTT DVCD

Phụ lục 4: Mẫu Báo cáo giám sát đánh giá kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng

PHỤ LỤC 1

CÁC KHÁI NIỆM VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

I. QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

1. Rủi ro thiên tai (RRTT)¹¹: là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế xã hội.

Ví dụ: Rủi ro thiên tai do bão gây ra có thể là nhà cửa bị tốc mái hoặc sập đổ; người dân bị thiệt mạng hoặc thương tích; thuyền đánh cá bị phá hỏng; cây trồng bị quật ngã, mùa màng thất thu...

2. Năng lực phòng chống thiên tai: là tổng hợp tất cả các nguồn lực sẵn có trong cộng đồng (con người, cơ sở vật chất, tài chính) có thể được sử dụng để giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Ví dụ: Xã/phường có nhiều nhà kiên cố để tránh bão; có kế hoạch PCTT tai do Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã và người dân cùng xây dựng; người dân trong xã/phường đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau khi có thiên tai xảy ra; người dân có nhiều kinh nghiệm PCTT.

3. Tình trạng dễ bị tổn thương: là những đặc điểm và hoàn cảnh của một cộng đồng, môi trường hoặc tài sản dễ bị ảnh hưởng của các tác động bất lợi từ thiên tai

Ví dụ: Đường có nhiều ổ gà gây khó khăn cho người dân trong quá trình sơ tán; Đội xung kích có nhiều người chưa được tập huấn về kỹ năng cứu hộ, cứu nạn; Người dân chủ quan không đi sơ tán sớm; Nhiều hộ gia đình xây dựng nhà ở, công trình ở những khu vực dễ xảy ra sạt lở, lũ quét.

Mối quan hệ giữa rủi ro thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng chống thiên tai

Rủi ro thiên tai là yếu tố tiềm ẩn khi xảy ra thiên tai, các yếu tố này sẽ gây ra thiệt hại khi được bộc lộ ra. Do vậy, xác định được các RRTT là bước quan trọng trong giảm nhẹ thiệt hại thiên tai, có thể nói là yếu tố quyết định. Đối với một loại hình thiên tai cụ thể, cần xác định rõ những rủi ro có thể xảy ra. Nhìn chung RRTT liên quan đến ba yếu tố chính gồm: hai thuận, một nghịch có quan hệ theo biểu thức sau:

$$\text{Rủi ro thiên tai} \quad \longleftrightarrow \quad \frac{\text{Cấp độ thiên tai \& Tình trạng dễ bị tổn thương}}{\text{Năng lực phòng chống thiên tai}}$$

Một cộng đồng có nhiều năng lực và ít tình trạng dễ bị tổn thương thì cộng đồng đó sẽ ít bị rủi ro thiên tai và ngược lại

¹¹ Điều 3, Luật phòng chống thiên tai

4. Cấp độ rủi ro thiên tai: Cấp độ rủi ro thiên tai là sự phân định mức độ thiệt hại do thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

Tiêu chí phân cấp độ rủi ro thiên tai bao gồm: Cường độ hoặc mức độ nguy hiểm của thiên tai; Phạm vi ảnh hưởng; Khả năng gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản, công trình hạ tầng và môi trường

Cấp độ rủi ro của mỗi loại thiên tai được phân tối đa thành 05 cấp và được gắn với một màu đặc trưng, theo mức độ tăng dần của rủi ro thiên tai.

Màu sắc của cấp độ rủi ro thiên tai

Cấp độ rủi ro thiên tai	Màu sắc đặc trưng	Mức độ rủi ro
Cấp 1	Xanh dương nhạt	Nhỏ
Cấp 2	Vàng nhạt	Trung bình
Cấp 3	Da cam	Lớn
Cấp 4	Đỏ	Rất lớn
Cấp 5	Tím	Thảm họa

Cấp độ rủi ro thiên tai với các loại hình thiên tai được quy định cụ thể tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai

5. Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, Kế hoạch ngành, phát triển kinh tế xã hội¹² là việc lựa chọn, thực hiện các biện pháp phòng, chống thiên tai đã được xác định trong Kế hoạch phòng, chống thiên tai, Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu cùng cấp (hoặc các biện pháp phòng, chống thiên tai khác đã được cấp thẩm quyền phê duyệt) để thực hiện cùng với các nội dung trong Quy hoạch và Kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

II. BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ HOÀ NHẬP ĐỐI TƯỢNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

1. Giới/giới tính:

a) Giới tính: chỉ các đặc điểm sinh học của nam và nữ¹³.

¹² Thông tư 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22/12/2021 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội

¹³ Khoản 2 Điều 5 Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006.

Giải thích: Sự khác biệt về đặc điểm sinh học thể hiện qua cấu tạo cơ thể và các chức năng sinh sản, di truyền nòi giống của phụ nữ và nam giới. Những đặc điểm này khi sinh ra đã có, không thể thay đổi được.

Ví dụ: Phụ nữ có buồng trứng, mang thai và sinh con. Nam giới có tinh trùng.

b) Giới: chỉ những đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội¹⁴.

Giải thích: Những đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ:

Được hình thành qua quá trình giáo dục và nuôi dưỡng; khác nhau ở mỗi quốc gia, địa phương; phụ thuộc vào từng nền văn hóa cụ thể, thay đổi theo quá trình phát triển kinh tế xã hội.

Ví dụ:

- Thời phong kiến, phụ nữ được quy định chỉ làm công việc nội trợ, *mang thai, sinh đẻ và nuôi con* trong khi nam giới (*được xem là trụ cột của gia đình, có quyền*) tham gia và quyết định mọi công việc trong gia đình và xã hội. Ngày nay với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và các mối quan hệ xã hội nói riêng thì vai trò của nam giới và phụ nữ đã có những thay đổi như: Phụ nữ đã đảm nhiệm những vị trí quan trọng trong xã hội, bao gồm cả vị trí lãnh đạo cấp cao. Trong gia đình, phụ nữ được tôn vinh hơn so với trước đây, được tham gia bàn bạc và quyết định những việc quan trọng. Đặc biệt, ở các vùng nông thôn phụ nữ cũng đã sử dụng các phương tiện cơ giới hóa trong sản xuất. Nam giới cũng làm những công việc trước kia xã hội quy định cho phụ nữ, ví dụ: Nội trợ, thợ trang điểm, chăm sóc con cái...

- Trong công tác PCTT trong những năm gần đây, tại một vài địa phương, phụ nữ cũng đã tham gia điều phối các hoạt động đánh giá RRTT DVCD; tổ chức diễn tập sơ tán, họp lập kế hoạch PCTT, tham gia đội cứu hộ và thực hiện các hoạt động liên quan trong kế hoạch. Nam giới cũng nhận làm công việc chuẩn bị hậu cần, thư ký trong các cuộc họp đánh giá RRTT DVCD, lập kế hoạch PCTT hoặc tổ chức truyền thông về PCTT.

2. Vai trò giới

Vai trò giới là những công việc và hoạt động cụ thể mà phụ nữ và nam giới đang làm trong thực tế¹⁵.

Giải thích:

- Vai trò giới *có thể thay đổi* và thay đổi nhanh hay chậm tùy theo đặc điểm, yêu cầu công việc; công cụ sản xuất, mức độ phát triển kinh tế và khoa học công nghệ; tiến bộ trong việc xóa bỏ định kiến giới trong xã hội. Các vai trò này cần có sự chia sẻ và bình đẳng giữa hai giới.

¹⁴ Điều 5 Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006.

¹⁵ Tài liệu tập huấn giới – Trung tâm phát triển phụ nữ và trẻ em

- Vai trò giới gồm: Vai trò sản xuất (hoạt động tạo thu nhập, ví dụ: trồng lúa,); Vai trò tái sản xuất (hoạt động không tạo ra thu nhập, ví dụ: dọn vệ sinh môi trường sau thiên tai, nội trợ, chăm sóc con cái,...); Vai trò cộng đồng (các hoạt động thực hiện tại cộng đồng, ví dụ: các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, tham gia lập kế hoạch PCTT).

Ví dụ:

Thời phong kiến, vai trò của nam giới là chủ gia đình gánh vác các công việc sản xuất tăng thu nhập, công việc của cộng đồng, xã hội; vai trò của phụ nữ là thực hiện các công việc tái sản xuất không tạo ra thu nhập cho gia đình như chăm sóc con cái, nội trợ. Ngày nay, kinh tế - xã hội phát triển, trình độ và nhận thức của nam giới và phụ nữ nâng cao kết hợp với sự phát triển, hỗ trợ của các công cụ sản xuất (máy tính, máy cày, máy tót lúa,...) vai trò của nam giới và phụ nữ đã có nhiều thay đổi.

3. Nhu cầu giới

Nhu cầu giới là nhu cầu đặc trưng, khác biệt giữa nam giới và phụ nữ trong một bối cảnh, điều kiện cụ thể. Có 2 loại nhu cầu giới: Nhu cầu giới thực tế và nhu cầu giới chiến lược.

a) *Nhu cầu giới thực tế* (nhu cầu hiện tại): là nhu cầu cụ thể, thiết yếu của mỗi giới để thực hiện tốt vai trò hiện tại của mình. Nhu cầu giới thực tế xuất phát từ cuộc sống hàng ngày, có thể *đáp ứng được ngay* thông qua các can thiệp ngắn hạn nhưng *khó có thể thay đổi được vấn đề bất bình đẳng*.

Ví dụ: Ở các vùng nông thôn hiện nay, do phụ nữ là người làm việc nhà nên trong thời gian hạn hán, thiếu nước, nhu cầu thực tiễn của người phụ nữ là hỗ trợ đào giếng ở gần khu vực sinh sống hoặc cung cấp nước sạch trực tiếp từ các xe tải chở nước.

b) *Nhu cầu giới chiến lược* (nhu cầu lâu dài): liên quan đến việc thay đổi hợp lý vị trí, vai trò của phụ nữ, nam giới thông qua các hoạt động *can thiệp dài hạn để thay đổi được vấn đề bất bình đẳng*.

Ví dụ: Trong bối cảnh vai trò của phụ nữ trong việc lập kế hoạch PCTT còn hạn chế, nhu cầu chiến lược là đưa đại diện phụ nữ tham gia vào Ban Chỉ huy PCTT và tìm kiếm cứu nạn của xã, mời phụ nữ tham gia vào các cuộc họp đánh giá rủi ro thiên tai và lập kế hoạch PCTT để đưa ra ý kiến về những hoạt động có liên quan tại cộng đồng.

4. Bình đẳng giới

Bình đẳng giới là việc nam giới, phụ nữ có *vị trí, vai trò ngang nhau*, được tạo điều kiện và *cơ hội bình đẳng* để phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, gia đình và *thụ hưởng như nhau* về thành quả của sự phát triển đó¹⁶.

Ví dụ:

¹⁶ Khoản 3 Điều 5 Luật bình đẳng giới số: 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006

Phụ nữ và nam giới đều được tham gia lập kế hoạch PCTT để đáp ứng nhu cầu của họ, đặc biệt là các đối tượng DBTT (Trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo)

5. Người Khuyết tật: là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn¹⁷

Theo Công ước của Liên hợp Quốc về Quyền của người khuyết tật, Người khuyết tật bao gồm những người có khiếm khuyết lâu dài về thể chất, tâm thần, trí tuệ hoặc giác quan mà khi tương tác với những rào cản khác nhau có thể phương hại đến sự tham gia hữu hiệu và trọn vẹn của họ vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác

a) Khiếm khuyết:

Khuyết tật là tình trạng một người có khiếm khuyết trên cơ thể bị những rào cản làm cho họ không thể tham gia bình đẳng vào các hoạt động xã hội như những người khác trong cộng đồng.

Khiếm khuyết là những vấn đề liên quan đến chức năng hoặc thay đổi về cấu tạo cơ thể. Có 5 dạng khiếm khuyết chính: vận động, nhìn, nghe – nói, trí tuệ và tâm thần.

b) Rào cản:

Rào cản là những yếu tố (từ phía bản thân người NKT hoặc gia đình NKT và xã hội) làm cho NKT không thể tham gia hiệu quả và bình đẳng vào các hoạt động xã hội. Rào cản có thể nhìn thấy hoặc không nhìn thấy được.

Có 4 loại rào cản chính:

- Môi trường, vật chất (có thể nhìn thấy):

Ví dụ: Nhà văn hóa thôn không có lối đi cho xe lăn nên NKT vận động đi xe lăn không thể vào trong để họp lập kế hoạch PCTT.

- Thông tin, giao tiếp (có thể nhìn thấy):

Ví dụ: Thôn cảnh báo tình hình thiên tai cho người dân qua loa phóng thanh nên những người điếc sống đơn thân không nhận được thông tin cảnh báo.

- Suy nghĩ, thái độ (không thể nhìn thấy):

Ví dụ:

¹⁷ Khoản 1 Điều 2 Luật Người khuyết tật

+ Tiểu ban PCTT cấp thôn không mời NKT tham gia vào các cuộc họp lập kế hoạch PCTT vì cho rằng NKT không đóng góp được gì mà chỉ cần được hỗ trợ khi có thiên tai xảy ra)

+ NKT không muốn tham gia các cuộc họp lập kế hoạch PCTT vì nghĩ rằng mình không biết gì để đóng góp

- Chính sách (có thể nhìn thấy):

Ví dụ: Chưa có văn bản quy định thành viên của nhóm HTKT trong Đề án 1002 của chính phủ phải có đại diện NKT.

6. Cuộc họp về quản lý RRTT DVCD đảm bảo sự tham gia của người dân:

Một cuộc họp được xem là có sự tham gia nếu các yếu tố chính sau được đảm bảo:

- Người điều hành cuộc họp lắng nghe, tôn trọng các ý kiến đóng góp, phản hồi về ý kiến đóng góp trước khi cùng với mọi người đưa ra quyết định cuối cùng.

- Các thành viên tự tin nêu ý kiến cũng như yêu cầu phản hồi ý kiến của mình đã đóng góp.

7. Người cao tuổi: Người cao tuổi được quy định trong Luật Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên.

8. Người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: sử dụng trong tài liệu bao gồm NCT là người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người không nơi nương tựa, người chăm sóc cháu nhỏ hoặc thành viên gia đình ốm yếu không có hỗ trợ, người sống một mình hoặc chỉ sống với vợ/chồng cũng là NCT, người dân tộc thiểu số.

9. Lồng ghép nội dung Người cao tuổi trong quản lý RRTT DVCD: Là quá trình tích hợp có chọn lọc các kinh nghiệm, kiến thức bản địa và các thế mạnh khác của NCT nhằm phát huy vai trò và sự đóng góp của NCT, cũng như tính đến tình trạng dễ bị tổn thương, các nhu cầu ưu tiên của NCT vào quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án 553, Kế hoạch PCTT và lồng ghép vào Kế hoạch Phát triển KTXH tại địa phương.

III. ĐÔ THỊ VÀ VẤN ĐỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRONG ĐÔ THỊ

1. Đô thị:

Đô thị là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành; có vai trò thúc đẩy sự phát triển KTXH của quốc gia

hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn¹⁸.

2. Một số đặc điểm của khu vực đô thị liên quan đến RRTT:

- Mật độ dân số cao, mang nặng tính hợp cư là quần cư so với các vùng nông thôn. Đô thị càng lớn, mật độ dân số càng cao. Mật độ dân cư cao, thiệt hại về tính mạng sẽ lớn trên cùng một đơn vị diện tích.

- Kinh tế chủ yếu là phi nông nghiệp và có tỷ trọng (giá trị kinh tế trên diện tích) cao. Thiệt hại về hàng hoá, dịch vụ phi nông nghiệp là rất lớn.

- Gắn kết cộng đồng khác biệt nhiều với khu vực nông thôn. Khả năng huy động nhân lực, tổ chức tập huấn và các hoạt động khác về thiên tai cộng đồng là khó khăn, sự tương trợ lẫn nhau hạn chế. Do vậy, thực hiện hoạt động QLRRTT DVCD khu vực đô thị đòi hỏi sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với nhiều hình thức và các đối tượng khác nhau.

- Trong đánh giá RRTT DVCD lưu ý tới tình trạng thường xuyên tu sửa xây dựng mới, đặc biệt các trung tâm văn hoá, chính trị, KTXH của vùng miền, địa phương có hoạt động KTXH đa ngành, đa lĩnh vực thu nhập bình quân đầu người cao. Do vậy, khi thiên tai xảy ra sẽ dẫn đến thiệt hại vật chất lớn.

Trong Kế hoạch PCTT cấp phường cần xem xét để đảm bảo an toàn cao trước thiên tai cho trung tâm hành chính phường, trung tâm chỉ đạo, điều hành PCTT, các công trình có giá trị cao về kinh tế, văn hoá, cơ sở của các tổ chức quốc tế, cơ sở có yếu tố người nước ngoài.

- Trình độ dân trí không đồng đều, có sự khác biệt lớn (nhìn chung là cao hơn) vùng nông thôn. Đa số các khu đô thị có sự biến động lớn về dân số cơ học. Những người mới đến thường không nắm rõ lịch sử thiên tai khu vực, không biết được các nguy cơ tiềm ẩn khi thiên tai xảy ra và cũng khó tiếp cận thông tin các phương án ứng phó thiên tai trong tình trạng khẩn cấp.

Trong kế hoạch PCTT cấp phường cần có chương trình thường xuyên chia sẻ thông tin, trao đổi kinh nghiệm trong cộng đồng (Ví dụ: phương tiện thu nhận thông tin về cảnh báo thiên tai, hiểu thông tin dự báo, kỹ năng thực hiện,...)

- Khu vực đô thị có thuận lợi về hạ tầng nhà ở, kinh tế, thông tin liên lạc, giao thông, cần tránh tư tưởng chủ quan. Vì vậy trong kế hoạch PCTT cần có phương án đảm bảo an toàn chi tiết, cụ thể từng hạn mục (ví dụ: Tài sản nhà nước, cá nhân và các tổ chức liên quan, hoạt động SXKD,...)

¹⁸ Khoản 2 Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009

Đặc biệt, đối với hạ tầng thiết yếu (giao thông, y tế, trường học, nước sạch, hệ thống điện, cung cấp lương thực, thực phẩm, thông tin) cần có phương án đảm bảo để không bị ngừng trệ.

Quá trình phát triển đô thị không đồng bộ, không tính đến yếu tố lồng ghép PCTT, sẽ làm trầm trọng hơn thiệt hại khi thiên tai xảy ra.

- Các công trình xây dựng lớn, các công trình hạ tầng như đường giao thông, cống thoát nước, lưới điện, cấp nước cũng cần được chú ý khi đánh giá RRTT

- Yếu tố nước ngoài (khách du lịch, khách tạm trú dài hạn, cơ sở kinh doanh, làm việc,...) cũng là một điểm cần lưu ý khi đánh giá RRTT DVCD khu vực đô thị.

3. Khái niệm “Cộng đồng” trong bối cảnh đô thị:

Từ "cộng đồng" có nhiều nghĩa khác nhau trong các ngữ cảnh khác nhau. Các cộng đồng ở đô thị đa dạng, phức tạp hơn và tham gia tương tác lẫn nhau một cách phức tạp, tương tác, cạnh tranh về ảnh hưởng, nguồn lực xã hội. Khái niệm cộng đồng trong khu vực đô thị, ngoài người dân cần xem xét các thành phần người dân khác (nhập cư/tạm cư, lao động ngoài trời, du khách)

4. Đối tượng cần quan tâm trong bối cảnh đô thị:

Ngoài khái niệm về đối tượng dễ bị tổn thương được quy định trong Luật Phòng, chống thiên tai, một số đối tượng cần được quan tâm khi thiên tai xảy ra trong bối cảnh đô thị:

- Những nhóm đặc thù tại thành phố: người có thu nhập không ổn định, người nhập cư, người tạm cư và những người sống trong khu nhà tạm/nhà trọ

- Một số nhóm đặc biệt: dân lao động từ nơi khác đến, những người dân tạm cư hay đến thành phố để sử dụng dịch vụ, khách du lịch, người nước ngoài.



5. Những RRTT thường gặp trong khu vực đô thị:

- Bão, áp thấp nhiệt đới, lốc: Cây đổ, tóc mái, đứt đường điện, bay bảng hiệu, thiệt hại đến tính mạng, tài sản của người dân

- Mưa lớn, lũ, lũ quét, nước dâng: Ngập úng nhà cửa, trường học, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hư hỏng; ách tắc giao thông; đình trệ sản xuất, kinh doanh; tính mạng, tài sản của người dân,...

- Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn: Thiếu nước sinh hoạt, đình trệ sản xuất do thiếu nước, tăng nguy cơ về hỏa hoạn, ảnh hưởng đến sức khỏe, dịch bệnh,...

- Sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển: Thiệt hại về tính mạng người dân, hạ tầng, nhà cửa, cơ sở sản xuất kinh doanh, du lịch,...
- Rét hại, sương muối: Ảnh hưởng tới sức khỏe và sinh hoạt của người dân, đặc biệt NCT, trẻ em và tới các hoạt động sản xuất nông nghiệp, buôn bán nhỏ,...
- Động đất, sóng thần: Phá hủy nghiêm trọng cơ sở hạ tầng, nhà cửa, cơ sở sản xuất kinh doanh và tính mạng người dân.

PHỤ LỤC 2

CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RRTT DVCD HỖ TRỢ ĐẠT ĐƯỢC TIÊU CHÍ PCTT TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Nội dung	Đề án 553 ¹⁹	Chương trình MTQG xây dựng NTM ²⁰
Mục tiêu chung	Nâng cao nhận thức về thiên tai, năng lực ứng phó thiên tai, góp phần xây dựng cộng đồng cấp xã, huyện an toàn trước thiên tai, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; nhằm góp phần thực hiện tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới,	Tiếp tục triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn,, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.
Chủ thể	Cộng đồng, người dân, đặc biệt đối tượng DBTT	Cộng đồng, người dân
Vai trò của chủ thể	Tham gia hiệu quả vào các hoạt động quản lý RRTT DVCD	Tham gia hiệu quả vào các hoạt động xây dựng NTM
Nâng cao năng lực PCTT cho cơ quan, tổ chức, cán bộ xã	<i>Hợp phần 1, hoạt động 2:</i> Hướng dẫn củng cố, kiện toàn và phát triển nguồn nhân lực thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng, thông tin và truyền thông, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại các cấp. Trong đó: <i>Xây dựng, ban hành tài liệu kỹ thuật, truyền thông nâng cao sự hiểu biết</i> về RRTT và GNRRTT ở các khu vực thường xuyên xảy ra bão, lũ quét, sạt lở đất, lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn (Tập trung vào các đối tượng: Chính quyền cấp xã, trưởng thôn, lực	<i>Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:</i> Có 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực, trình độ. <i>Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:</i> Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của các đội xung kích phòng, chống thiên tai

¹⁹ Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030

²⁰ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Nội dung	Đề án 553 ¹⁹	Chương trình MTQG xây dựng NTM ²⁰
	<p>lượng xung kích, đội ngũ giáo viên và học sinh, doanh nghiệp vừa và nhỏ, cá nhân và hộ gia đình, các đối tượng DBTT)²¹</p> <p>Hợp phần 2, Hoạt động 1: Tổ chức phổ biến nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng, chống thiên tai cho cán bộ, viên chức, cá nhân (thuộc đối tượng 4 và đối tượng là cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư) tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh hàng năm.</p> <p>Hợp phần 2, Hoạt động 2: Tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ giảng viên, cán bộ, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện Đề án ở các cấp.</p> <p>Hợp phần 2, Hoạt động 4: Tập huấn nâng cao kiến thức về phòng, chống thiên tai, tăng cường năng lực thực hiện công tác tuyên truyền cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cán bộ cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện, cán bộ đài truyền thanh cấp xã, báo cáo viên, tuyên truyền viên, lực lượng xung kích cơ sở; tập huấn chuyên biệt cho các đối tượng dễ bị tổn thương tại cộng đồng.</p>	<p>nòng cốt là lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng quản lý đô thị nhân dân (nếu có) được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thường xuyên đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.</p>
<p>Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai</p>	<p>Đề án 553: Mục tiêu đến hết năm 2030, phần đầu đạt được 100% số xã xây dựng và phê duyệt kế hoạch phòng, chống thiên tai phải có sự tham gia của cộng đồng</p>	<p>Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh: Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt và rà soát, cập nhật,</p>

²¹ Kế hoạch của Bộ NN&PTNT triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 333/QĐ-BNN-PCTT ngày 20/1/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT

Nội dung	Đề án 553 ¹⁹	Chương trình MTQG xây dựng NTM ²⁰
		bổ sung hàng năm theo quy định của Luật, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai tại chỗ.
<p>Nâng cao nhận thức cộng đồng, người dân về PCTT</p>	<p>Đề án 553:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu đến hết năm 2030, phấn đấu đạt được: <ul style="list-style-type: none"> + 100% người dân ở các xã thường xuyên xảy ra bão, lũ quét, sạt lở đất, lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và ít nhất 50% người dân ở các khu vực khác được phổ biến kiến thức về thiên tai và kỹ năng phòng tránh thiên tai, nhất là các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn. + Phấn đấu 100% hộ gia đình được tiếp nhận đầy đủ thông tin về thiên tai và thông tin chỉ đạo phòng, tránh thiên tai - Hợp phần 3: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức; tăng cường năng lực, kỹ năng cho cộng đồng về giảm nhẹ rủi ro thiên tai: <ul style="list-style-type: none"> + Hoạt động 1: Tổ chức tuyên truyền, truyền thông phòng chống thiên tai đến mọi đối tượng trong cộng đồng; thực hiện đa dạng hóa tài liệu, các phương thức truyền thông tại cộng đồng, trong đó, có việc xây dựng phòng triển lãm, trưng bày hình ảnh, mô hình, tư liệu về các trận thiên tai, bài học kinh nghiệm phục vụ tham quan, học tập nâng cao nhận thức. + Hoạt động 2: Hướng dẫn và huy động người dân trực tiếp tham gia vào các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn cấp xã như diễn tập phòng 	<p>Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực: Có từ 70% trở lên người dân thuộc vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.</p> <p>Về cơ sở hạ tầng thiết yếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ <p>100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.</p>

Nội dung	Đề án 553 ¹⁹	Chương trình MTQG xây dựng NTM ²⁰
	<p>tránh thiên tai, đánh giá rủi ro thiên tai, các sự kiện liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hoạt động 3: Xây dựng và nhân rộng mô hình xã điển hình về thực hiện nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng chống thiên tai. + Hoạt động 4: Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài liệu, sản phẩm truyền thông; phổ biến, chia sẻ rộng rãi đến các các nhóm đối tượng trong xã hội. + Hoạt động 6: Lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm phòng, chống thiên tai tại cộng đồng; thiết lập, cập nhật định kỳ thông tin bản đồ rủi ro thiên tai ở từng cộng đồng xã, thôn; phát triển cơ sở dữ liệu về quản lý rủi ro thiên tai, thông tin truyền thông; thực hiện lồng ghép kế hoạch phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. 	

PHỤ LỤC 3
MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND

....., ngày ... tháng ... năm 201..

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
xã..., huyện..., tỉnh..... năm....

I. THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA XÃ

1. Đặc điểm tự nhiên: Vị trí địa lý; đặc điểm địa hình, địa chất; khí tượng, thủy văn, hải văn.

2. Đặc điểm về dân sinh, kinh tế - xã hội:

a) Đặc điểm dân sinh gồm tổng dân số, mật độ, phân bố dân cư, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương, dân tộc thiểu số, tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, số hộ nằm trong vùng có nguy cơ cao ảnh hưởng của thiên tai cần phải di dời; đặc điểm nhà ở (kiên cố, bán kiên cố, thiếu kiên cố, đơn sơ) và phân bố theo đơn vị hành chính cấp xã; trình độ văn hóa, giáo dục, y tế, đặc điểm dân tộc, tập quán;

b) Đặc điểm kinh tế - xã hội gồm các ngành kinh tế chủ yếu bị ảnh hưởng bởi thiên tai (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ), định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Đặc điểm cơ sở hạ tầng:

Thống kê, đánh giá chung về cơ sở hạ tầng chủ yếu trong phạm vi quản lý, bao gồm: Hệ thống giao thông, thủy lợi; mạng lưới điện, hệ thống thông tin, truyền thông; hệ thống tiêu thoát nước, cấp nước sạch, xử lý môi trường; hệ thống trường học, bệnh viện, trung tâm y tế và cơ sở hạ tầng khác.

II. ĐÁNH GIÁ RRTT DVCD

1. Mục tiêu đánh giá rủi ro thiên tai

a) Mục tiêu chung: *Mục đích chung của đánh giá là gì?*

b) Mục tiêu cụ thể: *Cần có những thông tin cụ thể nào sau đợt đánh giá?*

2. Các công cụ sử dụng để thu thập thông tin

Liệt kê các công cụ đã sử dụng để thu thập thông tin trong đợt khảo sát

3. Người tham gia

a) Đội đánh giá

- Số lượng:

Trong đó số lượng có phân Nam/Nữ, độ tuổi

- Thành phần: *Chi tiết chức vụ, đơn vị công tác*

b) Đối tượng đánh giá

- Người dân: thôn/cụm thôn nào, gồm các thành phần nào? Số nam/nữ, đối tượng DBTT.

4. Các yếu tố giới hạn kết quả

Liệt kê các yếu tố giới hạn hoặc ảnh hưởng đến kết quả của báo cáo (ví dụ: thiếu thời gian hoặc một số thành viên chưa được tập huấn hoặc thiếu đại diện, người cao tuổi, người khuyết tật, tham gia họp)

5. Kết quả đánh giá

5.1. Đặc điểm thiên tai, phạm vi ảnh hưởng và mức độ thiệt hại trên địa bàn toàn xã

a) Bảng thông tin về tình hình thiên tai

T T	Thiên tai	Thời gian xảy ra	Tần suất và xu hướng (lần/năm)	Khu vực bị ảnh hưởng	Thiệt hại		
					Người	Tài sản	Khác (nếu có)

b) Đánh giá chung:

5.2. Năng lực, tình trạng dễ bị tổn thương trong công tác PCTT

5.2.1. Năng lực PCTT:

a) Tổng hợp năng lực PCTT (Công cụ 4 – Tổng hợp thông tin đánh giá RRTT):

b) Đánh giá chung

5.2.2. Tình trạng DBTT:

a) Tổng hợp tình trạng DBTT (công cụ 4 – Tổng hợp thông tin đánh giá RRTT)

b) Đánh giá chung

5.3. Rủi ro thiên tai và giải pháp thực hiện:

5.3.1. Tổng hợp RRTT:

a) Nhận xét chung

Từ Công cụ 4 -Tổng hợp thông tin đánh giá RRTT, Nhóm đánh giá nhận xét chung về các RRTT tại địa phương.

b) Tổng hợp rủi ro thiên tai theo thứ tự xếp hạng (Công cụ 5- Xếp hạng và đề xuất giải pháp ưu tiên)

5.3.2. Tổng hợp giải pháp PCTT

Tổng hợp giải pháp PCTT theo thứ tự ưu tiên (Công cụ 5- Xếp hạng và đề xuất giải pháp ưu tiên)

III. ĐỀ XUẤT

Đề xuất với các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan về việc hỗ trợ thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai theo nhu cầu của các tổ chức đoàn thể và người dân

Nơi nhận:

- UBND huyện;
-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH

(ký tên, đóng dấu)

Các phụ lục đính kèm theo Báo cáo đánh giá RRTT DVCĐ:

Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá RRTT DVCĐ

Phụ lục 2: Chương trình đánh giá tại địa phương

Phụ lục 3: Sơ họa bản đồ RRTT xã/phường

